

Bản án số: 06/2024/HC-PT

Ngày: 19/01/2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tào**

Các thẩm phán: ông **Võ Ngọc Thông**

bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trần Xuân Lộc** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Lê Văn Thành** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 319/2023/TLPT-HC ngày 21 tháng 11 năm 2023, về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 497/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Phạm Công H, sinh năm 1956; địa chỉ: số nhà D L, thôn F, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Ngọc Đ – Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: ông Lê Tuấn L – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại các phiên đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Phạm Công H trình bày:

Năm 1990, ông được UBND xã L, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình cấp một lô đất có diện tích 338,6 m² và ông đã nộp lệ phí tiền sử dụng đất theo quy định tại thời điểm đó là 300.000 đồng. Sự việc trên được bà Phạm Thị L1 xác nhận năm 1990 lúc đó bà làm phó chủ tịch UBND xã L. Sau đó xã L thu hồi hồ sơ cấp đất của ông và UBND thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ) ra quyết định cấp lô đất này cho ông Nguyễn Văn T. Sau 20 năm khiếu kiện đến ngày 13/12/2010, UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cấp cho ông một trong hai lô đất ở đường H và Đường T, ông chọn lô đất ở đường H với diện tích 102m². Ngày 20 tháng 9 năm 2012, UBND thành phố Đ có công văn 791/UBND-TNMT gửi cho ông và yêu cầu nộp nghĩa vụ tài chính không thông qua hình thức đấu giá đối với lô đất 102m² ở đường H.

Theo công văn số 302/UBND-TNMT ngày 06/3/2023 của UBND thành phố Đ trả lời thì trường hợp của ông không đủ điều kiện để được giao đất không thông qua hình thức đấu giá. Như vậy, UBND thành phố Đ áp dụng điểm g khoản 1, 2 Điều 118 luật đất đai năm 2013 vào trường hợp của ông là không đúng vì UBND thành phố Đ giải quyết sai nên hoàn trả đất lại cho ông. Mặt khác, theo Công văn số 302/UBND-TNMT ngày 06/3/2023 của U trả lời và theo báo cáo của Chi nhánh VP đăng ký đất đai TP. trả lời thì hiện tại ông có 02 thửa đất trên địa bàn TP., để căn cứ vào các quy định luật đất đai 2013 cho rằng ông không đủ điều kiện để được giao đất, không thông qua hình thức đấu giá là không đúng, vì hiện nay một người có thể sử dụng nhiều thửa đất thông qua mua bán chuyển nhượng.

Vì vậy, ông không đồng ý với nội dung trả lời tại Công văn số 302/UBND-TNMT ngày 06/3/2023 của U về việc ông không đủ điều kiện để được giao đất không thông qua hình thức đấu giá. Nên ông khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình tuyên hủy Công văn số 302/UBND-TNMT ngày 06/3/2023 của UBND Thành phố Đ.

Người người bị kiện trình bày ý kiến:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Công văn số 302/UBND-TNMT ngày 06/3/2023 của U, vì các lý do sau:

Căn cứ điểm g khoản 1,2 Điều 118 Luật đất đai năm 2013 thì ông H không thuộc trường hợp được giao đất. Ông Phạm Công H đã được UBND xã L (cũ) cấp một lô đất (cấp trái thẩm quyền) tại khu vực tiểu khu D, phường B vào năm 1990 (tại khu vực Phan Đình P đoạn từ bùng binh H đến đường F). Tuy nhiên sau đó UBND xã L đã thu lại toàn bộ hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất của ông H. Khu vực đất nói trên đã được UBND thị xã Đ giao cho ông Nguyễn Văn T sử dụng theo Quyết định số 187/QĐ-UB ngày 29/4/1991 (hiện ông T đang sử dụng và đã được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trên cơ sở đề nghị của UBND phường B ngày 26/11/2007 tại Đơn xin cấp đất làm nhà ở đề ngày 08/11/2007 của ông H, ngày 17/11/2008 Phòng T1 đã có Công văn số 97/TNMT đề nghị Sở T2 hướng dẫn, chỉ đạo đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính trong trường hợp cấp lại lô đất khác theo nhu cầu của ông H. Theo Công văn số 194/TNMT-TTr ngày

03/4/2009 của Sở T2 thì đối với trường hợp ông H khi được xét giao đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ T3 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Ngày 22/02/2011, ông H đã có đơn đề nghị được giao lô đất số 07, tờ bản đồ điều chỉnh quy hoạch mở rộng Trường Dân tộc nội trú tỉnh, phường B để sử dụng vào mục đích làm nhà ở. UBND phường B đã có Tờ trình số 02 TT/UBND ngày 18/3/2011 về việc đề nghị giao đất làm nhà ở không thông qua hình thức đấu giá cho ông Phạm Công H; UBND thành phố đã có Công văn số 276/UBND-TNMT về việc xét giao đất không thông qua hình thức đấu giá cho ông Phạm Công H, tại phường B. Theo đó, UBND thành phố đề nghị UBND tỉnh xem xét, chấp thuận chủ trương giao đất không thông qua hình thức đấu giá cho ông Phạm Công H và đề nghị chỉ đạo việc xác định nghĩa vụ tài chính khi được giao đất đối với trường hợp ông H. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1054/UBND-KTTH ngày 30/5/2011, ngày 03/8/2011 Sở T2 đã có Công văn số 632/TNMT-QHKH về việc họp xét giao đất làm nhà ở không qua hình thức đấu giá cho ông Phạm Công H và đã thống nhất đề nghị UBND tỉnh đồng ý chủ trương giao cho UBND thành phố Đ làm thủ tục giao đất làm nhà ở cho ông H không thông qua hình thức đấu giá, với nghĩa vụ tài chính là thực hiện thu tiền sử dụng đất tại thời điểm giao đất, hình thức nộp tiền là 100% giá đất ở theo quy định của UBND tỉnh. Tuy nhiên, ông H có các đơn kiến nghị về mức nộp nghĩa vụ tài chính 100% tiền sử dụng đất khi được giao đất là chưa thỏa đáng và đã được UBND thành phố xem xét, trả lời tại Công văn số 791/UBND-TNMT ngày 20/9/2012 và Công văn số 270/UBND-TNMT ngày 24/3/2014. Từ đó đến ngày 30/6/2014, ông H không thực hiện theo nội dung các văn bản nói trên để được giao đất không thông qua hình thức đấu giá.

Ngày 30/8/2022, Thành ủy Đ có Phiếu chuyển số 118-PC/TU chuyển đơn của ông Phạm Công H trú tại thôn F, xã L, thành phố Đ đề ngày 30/8/2022 đến UBND thành phố Đ. Đơn ông H có nội dung đề nghị xem xét cấp đất cho gia đình ông và không thực hiện nghĩa vụ tài chính. Căn cứ quy định tại điểm g khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013; UBND thành phố Đ đã có Công văn số 302/UBND-TNMT ngày 06/3/2023 về việc giải quyết đơn của ông Phạm Công H, trú tại thôn F, xã L, thành phố Đ. Việc UBND thành phố trả lời cho ông H theo Công văn nói trên là thực hiện đúng theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định về quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. Do đó việc ông Phạm Công H khởi kiện Ủy ban nhân dân T đề nghị hủy Công văn số 302/UBND-TNMT ngày 06/3/2023 của U là không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng Điều 30, khoản 3 Điều 32 và điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính. Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của

Chính phủ. Căn cứ Điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 54, Điều 55, điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 118 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, *xử:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công H về yêu cầu hủy Công văn số 302/UBND-TNMT ngày 06/3/2023 của UBND thành phố Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25/9/2023, ông Phạm Công H kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- *Về việc chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Phạm Công H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận, xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của ông Phạm Công H:

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện vào năm 1990 ông H được UBND xã L cấp cho 01 lô đất tại khu vực tiểu khu D, phường B. Tuy nhiên sau đó, UBND xã L đã thu hồi hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến việc giao đất cho ông H và đến năm 1991, Ủy ban nhân dân thị xã Đ cấp thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn T theo Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 29/4/1991. Năm 2007, trên cơ sở đơn xin cấp đất của ông Phạm Công H, các cơ quan có thẩm quyền đồng ý cấp lại cho ông H một trong hai vị trí do ông chọn. Ông chọn ở vị trí gần trường Dân tộc nội trú tỉnh Q. Sau đó Ủy ban nhân dân thành phố Đ có văn bản số 791/UBND-TNMT ngày 20/9/2012 thông báo ông H được cấp đất không thông qua hình thức đấu giá nhưng phải nộp nghĩa vụ tài chính là giá trị quyền sử dụng đất theo giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm đó nhưng ông H không đồng ý nộp tiền, nhận thấy:

- Căn cứ Điều 33 Luật Đất đai năm 2003; Điều 54 Luật Đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, thì ông Phạm Công H không thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

- Mặt khác theo quy định tại khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013 thì ông H cũng không thuộc trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Từ nhận định trên, xét thấy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công H về yêu cầu huỷ Công văn số 302/UBND-TNMT ngày 06/3/2023 của U là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông H kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Công H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên đủ điều kiện để miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác kháng cáo của ông Phạm Công H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Công H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHP, TL.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào